

Số: 1419056

|                                                | Mazda3 Sport 1.5L Luxury | Mazda CX-3 1.5L Deluxe |
|------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>659.000.000đ</b>      | <b>559.000.000đ</b>    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                          |                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4660 x 1795 x 1435       | 4275 x 1765 x 1535     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2725                     | 2570                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                     | 5300                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 145                      | 155                    |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1340                     | 1264                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1790                     | 1695                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 334                      | 350                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                       | 48                     |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                        | 5                      |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước         | Nhập Khẩu              |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                          |                        |
| Loại động cơ                                   | Skyativ-G 1.5L           | Skyactiv-G 1.5L        |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                     | 1496                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000               | 110 / 6000             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 146 / 3500               | 144 / 4000             |
| Hộp số                                         | 6AT                      | 6AT                    |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)          | Cầu trước (FWD)        |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson       | Độc lập Mc Pherson     |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn               | Thanh xoắn             |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                      | Đĩa                    |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                      | Đĩa                    |
| Thông số lốp xe                                | 205/60 R16               | 215/50 R18             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.86                     | 8.14                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 4.88                     | 4.86                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 5.98                     | 5.8                    |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                        | ●                      |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport             | Normal/Sport           |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                          |                        |
| Cụm đèn trước                                  | LED                      | Halogen                |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                        | ●                      |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                        |                        |
| Cụm đèn sau                                    | LED                      | Halogen                |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                        | ●                      |
| Gạt mưa tự động                                | ●                        | ●                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                          |                        |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                        | ●                      |
| Chất liệu ghế                                  | Da                       | Da + Nỉ                |
| Ghế người lái chỉnh điện                       | ●                        |                        |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                    | ●                        |                        |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ             | ●                        | ●                      |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                         | ●                        | ●                      |

|                                            |                  |                  |
|--------------------------------------------|------------------|------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 8.8              | 7"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 2                | 1                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | ●                |                  |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                          | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                          | 8 loa            | 6 loa            |
| Lấy chuyển số                              | ●                |                  |
| Phanh đỗ điện tử                           | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | ●                | ●                |
| Rèm che nắng                               | -                |                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | ●                | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                  |                  |
| Số túi khí                                 | 7                | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●                | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●                | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●                | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●                | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau              | Sau              |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●                | Cruise control   |
| Camera lùi                                 | ●                | ●                |